

Bản án số: 86/2020/DS-PT
Ngày: 29.7.2020.
V/v “tranh chấp di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh
Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên
Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận O bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Bành Tấn P, sinh năm 1964;

1.2 Ông Bành Tấn L, sinh năm 1957 (chết ngày 05/10/2017);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1.2.1 Bà Trần Thị T, sinh năm 1959 (vợ ông L);

1.2.2 Chị Bành Thị L, sinh năm 1984 (con ông L);

1.2.3 Anh Trần Anh T1, sinh năm 1991 (con ông L);

Địa chỉ: Kv. T, phường A, quận O, Tp. Cần Thơ.

1.3 Bà Bành Thị Ánh H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Kv. T, phường A, quận O, Tp. Cần Thơ.

1.4 Ông Bành Tấn B, sinh năm 1942;

1.5 Bà Bành Thị B1, sinh năm 1945 (chết 13/12/2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1.5.1 Nguyễn Văn L2

1.5.2 Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1968

1.5.3 Nguyễn Thanh N1, sinh năm: 1972

1.5.4 Nguyễn Hữu Ngọc T2, sinh năm: 1978

1.5.5 Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Kv. Thới Trinh A, phường A, quận O, Tp. Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của ông L2, Thanh N, Thanh N1, Thanh V: bà Nguyễn Hữu Ngọc T2 (có mặt)

1.5.6 Nguyễn Thanh P1 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

1.6 Ông Bành Tấn T3, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1.7 Bà Bành A, sinh năm 1959;

Địa chỉ: 30/76 Nguyễn Cư Trinh, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

1.8 Bà Bành Thị U, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu vực 1, phường T, quận B, Tp. Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: ông Nguyễn Huy Khánh, sinh năm 1987. (trừ bà Bành Thị B1 đã chết, chấm dứt việc ủy quyền)

Địa chỉ: phường C quận N, Tp. Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Bành Thị B2, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Kv. T, phường A, quận O, Tp. Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Trần Phương Đ, sinh năm 1981 (có mặt).

3.2 Chị Trần Thị Hồng P, sinh năm 1978 (vắng).

Địa chỉ: khu vực T, phường A, quận O, Tp. Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bà Bành Thị Ánh H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Các nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên trước đây cha, mẹ nguyên đơn và cả bị đơn là ông Bành Văn Hưng và bà Huỳnh Thị Cừu chung sống với nhau có 09 người con gồm: Ông Bành Tấn P, sinh năm 1964; ông Bành Tấn Lợi, sinh năm 1957; bà Bành Thị Ánh H, sinh năm 1960; ông Bành Tấn B, sinh năm 1942; bà Bành Thị B1, sinh năm 1945; ông Bành Tấn T3, sinh năm 1952; bà Bành A, sinh năm 1959; bà Bành Thị U, sinh năm 1968; bà Bành Thị B2, sinh năm 1951.

Ông Bành Tấn Hưng (mất năm 2010) và bà Huỳnh Thị Cừu (mất năm 2009). Lúc sinh thời ông, bà có tạo lập phần đất tại các thửa đất 87, 88, 89 và 265, tờ bản đồ số 4, với diện tích 10.637,8m² (trong đó: 766m² loại đất ODT, 5.836,2m² loại đất CLN và 4.305,6m² loại đất LUC) và được UBND huyện O (nay là quận O) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số: 002274/QSDĐ/TA ngày 23/07/1991. Khoảng năm 1982, ông Hưng, bà Cừu có cho ông là Bành Tấn L (chết ngày 05/10/2017 có hàng thừa kế thứ nhất là bà Trần Thị T, anh Trần Anh T1 và chị Bành Thị L,) phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 184m² và gia đình ông L đã sử dụng phần đất này xây dựng nhà ở nhưng do bận việc làm ăn nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục

đăng ký kê khai QSD đất (tất cả anh chị em trong gia đình đều thừa nhận). Năm 2007, ông L có làm đơn xin cấp phép xây dựng nhà gửi đến Ủy ban nhân dân (UBND) phường A, được UBND phường A xác nhận vào ngày 25/05/2007 và gia đình ông Bành Tấn L đã xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất này đến nay không phát sinh tranh chấp với bất cứ ai. Riêng bà Bành Thị Ánh H thì được cha mẹ cho phần đất với diện tích khoảng 200m² (chỉ nói miệng) để mở Doanh nghiệp kinh doanh mua bán xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 (cũng không làm thủ tục đăng ký kê khai QSD đất), bà Ánh H đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thành lập DNTN Bành Thị Ánh H kinh doanh cho đến nay không ai tranh chấp (tất cả anh chị em trong gia đình đều thừa nhận). Bà Bành Thị Ánh H không lập gia đình nên ở chung nhà với cha mẹ từ nhỏ đến giờ và bà Ánh H đã đầu tư xây dựng mới lại toàn bộ căn nhà của cha, mẹ để lại với kiến trúc như hiện tại và cũng chính là người phụng dưỡng cha mẹ tới lúc qua đời. Tuy nhiên, bà Bành Thị B2 là chị ruột thứ 5 trong gia đình đã có cuộc sống riêng tư và có nhà ở riêng kế bên cạnh phần đất của ông Hưng, khi ông Hưng và bà Cừu qua đời thì bà B2 không ở nhà của mình mà sang nhà của bà Ánh H ở (căn nhà gốc của cha mẹ bà Ánh H để lại) và đòi chiếm giữ luôn căn nhà này làm tài sản riêng để dành cho con trai của mình là Trần Phương Đ, trong khi bà Ánh H là người tự bỏ tiền ra để xây dựng toàn bộ căn nhà này và cũng là nơi thờ cúng. Nhưng, nay bà B2 lại ngang nhiên chiếm dụng căn nhà này làm của riêng, các anh chị em không thể vào nhà để thấp nhang cho cha, mẹ được vì bà B2 khóa cửa bên ngoài. Nhận thấy, hành vi của bà Bành Thị B2 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Vì vậy, các anh chị em trong gia đình đồng lòng cùng đứng đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:

1. Tuyên căn nhà và đất do ông Bành Tấn L xây dựng trên phần đất tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 133,72m² (theo biên bản đo đạc, bản trích đo địa chính) là thuộc quyền sử dụng riêng của người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bành Tấn L là bà Trần Thị T anh Trần Anh T1, chị Bành Thị L (vì nhà và đất đã được gia đình ông L sử dụng ổn định hơn 35 năm và tất cả anh chị em trong gia đình đều thừa nhận);

2. Tuyên phần đất và tài sản trên đất bà Bành Thị Ánh H đang kinh doanh xăng dầu tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích khoảng 200m² thuộc quyền sử dụng của bà Bành Thị Ánh H (vì cha mẹ đã cho bà Ánh H và bà Ánh H đã sử dụng để kinh doanh nhiều năm);

3. Tuyên cho bà Bành Thị Ánh H được quyền sử dụng căn nhà, đất do cha mẹ để lại với diện tích khoảng 180m² và phần đất còn lại với diện tích khoảng 202m² tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4 và bà Ánh H có nghĩa vụ thối lại giá trị đất theo quy định cho các đồng thừa kế (không tính phần kiến trúc vì phần kiến trúc do bà Ánh H tự bỏ tiền xây dựng). Phần đất còn lại có tổng diện tích khoảng 9.871,8m², tờ bản đồ số 4 (trong đó: thửa 88 có diện tích 2.520m², thửa 89 có diện tích 3.316,2m² và thửa 265 có diện tích 4.305,6m²) chia đều cho 09 đồng

thừa kế ($9.871,8\text{m}^2 : 09 \text{ người} = 1.096,8\text{m}^2/\text{người}$). Các nguyên đơn yêu cầu nhận tài sản và thối lại giá trị theo quy định cho bà Bành Thị B2.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà B2 có ý kiến như sau: Bà không thống nhất với lời trình bày của đại diện các nguyên đơn, căn nhà và cây xăng trước đây là do con bà là Trần Phương Đ và Trần Thị Hồng Phượng cùng với bà Ánh H đứng ra xây dựng. Đối với căn nhà của ông Bành Tấn L thì bà cũng không đồng ý vì không có giấy tờ gì để chứng minh việc cha, mẹ bà cho phần đất này cho ông L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ và bà Phượng có ý kiến: ông Bành Tấn Hưng và bà Huỳnh Thị Cừu là ông bà ngoại. Khi các dì và cậu lớn lên thì lập gia đình có cuộc sống riêng tư không ai ở chung với ông, bà ngoại, chỉ có chị, em ông cùng với dì Hồng chung sống với ông, bà ngoại cho đến khi bà ngoại qua đời. Trong thời gian này ông, bà ngoại có phần đất vườn trồng cây tạp, đất ruộng cùng với căn nhà đã bị xuống cấp hư hỏng, ông là cháu ngoại ở chung với ông, bà ngoại nên ông đã cải tạo lại khu vườn và xây dựng lại nhà cho đến nay. Năm 1997 ông, bà ngoại có mở một cây xăng để mua bán, cây xăng 01 phần nằm dưới mé sông, 01 phần nằm trên đất của mẹ là bà Bành Thị B2, dì Hồng là người trực tiếp đứng bán cây xăng này, chị em ông là người phụ giúp. Năm 2000 dì Hồng đã làm cây xăng liên tục bị thiếu hụt vốn kinh doanh, đến giữa năm 2001 thì dì Hồng không còn trực tiếp đứng bán mà chuyển sang mua máy bơm cát và để cây xăng lại cho ông và chị ông đứng bán, trước tình thế khó khăn thiếu hụt vốn kinh doanh và không còn đủ tiền vốn để mua bán nữa bà Bành Thị B2 bỏ ra số tiền 80.000.000 đồng để chị em có tiền tiếp tục kinh doanh, sau đó ổn định dần khách hàng ngày càng nhiều, đến năm 2003 dì Hồng không còn bơm cát nữa mà quay về nhà với hai bàn tay trắng, được thời gian ngắn thì dì Hồng nói với 02 chị em là để bà mua trái cây về bán có thu nhập lo cho bản thân, vì dì Hồng không chồng con nên chị em coi dì Hồng như mẹ ruột và để dì Hồng mua trái cây về bán và tiếp chị em bán xăng dầu. Năm 2005 thì sửa chữa lại cây xăng, mở rộng thêm phần nhà nằm trên đất bà B2 để phục vụ cho việc mua bán. Năm 2007 nhận được thông tin không cấp được giấy phép kinh doanh cho những cơ sở mua bán dưới mé sông, trước tình hình trên xin ý kiến cả ông bà ngoại cho đập phá căn nhà cũ và xây dựng cây xăng mua bán trên bờ và ông bà ngoại đồng ý, tất cả những thủ tục xây dựng cây xăng ông Đ tự đi làm và để cho dì Hồng đứng tên thuận tiện cho việc kinh doanh mua bán. Năm 2009 khi bà ngoại mất, chị em ông có bàn với dì Hồng là xây dựng căn nhà để có chỗ ở ổn định và cũng lấy đó làm nơi thờ cúng ông, bà. Năm 2017 cây xăng dưới mé sông hoàn toàn bị sập lở, chỉ còn lại cây xăng trên bờ.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét những tài sản trên đất là do chị em ông và bà H xây dựng gồm nhà cửa, cây xăng làm 03 phần gồm ông 01 phần, chị ông 01 phần và bà H 01 phần. Buộc bà H trả cho mẹ ông là bà B2 80.000.000 đồng (tương ứng 16 lượng vàng 24K), ông yêu cầu được hưởng 01 phần đất mà ông, bà ngoại ông để lại. Yêu cầu được hưởng toàn bộ cây trồng trên đất mà ông

đã trồng và ông thối tiền đất cho những người được hưởng thừa kế và cho ông được ở trên căn nhà hiện tại đang ở để có cuộc sống ổn định lâu dài.

* Vụ việc hòa giải không thành và được đưa ra xét xử công khai. Tại bản án số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận O xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận một phần diện tích đất 138,78m² tại thửa 87, tờ bản đồ số 04, loại đất ODT. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận O, thành phố Cần Thơ cho bà Trần Thị T, chị Bành Thị L, anh Trần Anh T1 (vị trí phần đất có căn nhà chính 88,9m², nhà tạm 25,56m², bồn nước 5,06m² và mái che 19,26m² do bà T đang sử dụng).

Công nhận căn nhà do ông Bành Tấn Hưng xây dựng và phần diện tích đất 627,22m² (sau khi trừ 138,78m² cho bà T, chị L, Anh T1) tại thửa 87 tờ bản đồ số 04, loại đất ODT. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận O, thành phố Cần Thơ cho bà Bành Thị Ánh H.

Bà Bành Thị Ánh H thối lại giá trị cho ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn B, bà Bành Thị B1, ông Bành Tấn L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông L là bà Trần Thị T, chị Bành Thị L, anh Trần Anh T1), ông Bành Tấn T3, bà Bành A, bà Bành Thị U, bà Bành Thị B2 mỗi người là 66.496.500 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng*).

Công nhận các thửa đất 88, 89, 265 tờ bản đồ số 04, loại đất LNK và 2L. Đất tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận O, thành phố Cần Thơ và cây trồng trên đất thuộc quyền sử dụng các đồng thừa kế gồm: Bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn B, bà Bành Thị B1, ông Bành Tấn T3, bà Bành A, bà Bành Thị U, ông Bành Tấn L (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông L là bà Trần Thị T, chị Bành Thị L, anh Trần Anh T1*).

Bà Bành Thị Ánh H, ông Bành Tấn P, ông Bành Tấn B, bà Bành Thị B1, ông Bành Tấn T3, bà Bành A, bà Bành Thị U ông Bành Tấn L (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông L là bà Trần Thị T, chị Bành Thị L, anh Trần Anh T1*), thối lại giá trị các thửa đất 88, 89, 265 và giá trị cây trồng trên đất cho bà Bành Thị B2 là 178.301.400 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm lẻ một ngàn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(kèm theo bản án là 02 bản trích đo địa chính số 64 và 65/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ ngày 13/8/2018)

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 19 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn bà Bành Thị Ánh H kháng cáo với yêu cầu tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận phần nhà, đất bà H đang kinh doanh tại thửa số 87, tờ bản đồ số 4, với diện tích 248,04m² thuộc quyền sử dụng của bà, đồng thời, cho bà được sở hữu căn nhà do cha, mẹ để lại với diện tích 229,16m² vì bà là người bỏ tiền ra xây dựng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trong quyết định kháng nghị, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phượng được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, ông Nguyễn Thanh Phong có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Qua diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định phần đất hiện nay các đương sự yêu cầu chia thừa kế nằm tại các thửa tại thửa 87, 88, 89, 265, tờ bản đồ số 04 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 002274/QSDĐ/TA ngày 23/7/1991 do Ủy ban nhân dân quận O cấp cho ông Bành Tấn Hưng. Tuy đến thời điểm hiện nay các đương sự không cung cấp bản sao giấy chứng nhận QSDĐ nhưng qua phiếu xác nhận hồ sơ địa chính số 333/XN.TTCNTT ngày 15/5/2017 của Trung tâm công nghệ thông tin xác nhận hồ sơ đăng ký QSDĐ của ông Bành Tấn Hưng là có và ông Hưng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại các thửa như trên.

[2.1] Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác định hiện nay quyền sử dụng đất có thể chấp để vay vốn hay không, chỉ nhận thông tin từ các đương sự cho rằng đã bị thất lạc rồi tiến hành phân chia là chưa đảm bảo cho quyền lợi người thứ 3 (nếu có phát sinh).

[2.2] Việc công nhận phần đất cho người kế thừa tố tụng của ông L tại thửa 87. Trong vụ án này, ngoài yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn (trong đó có ông L) thì ông L còn có yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất mà ông cho rằng khi còn sống ông Hưng và bà Cừu đã cho ông, vì vậy, cần phải yêu cầu ông L nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu thì Tòa án mới xem xét. Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của các nguyên đơn xác định rằng ông Hưng, bà Cừu cho đất ông L và việc ở ổn định của ông L hơn 35 năm để công nhận quyền sử dụng đất cho ông L là chưa có cơ sở vững chắc bởi phía bị đơn không thừa nhận và

không có giấy tờ gì chứng minh thể hiện ông Hưng, bà Cừu cho ông L phần quyền sử dụng đất này. Việc ông L xin phép cất nhà đó là việc thực hiện đúng quy định khi cất nhà phải được cơ quan chức năng cho phép, không thể đánh đồng việc được cấp phép cất nhà là có quyền sử dụng đất hợp pháp. Việc công nhận phần đất cho ông Hưng khi chưa có đủ cơ sở tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế.

[2.3] Cấp sơ thẩm công nhận phần nhà phục vụ cho việc kinh doanh mua bán xăng dầu của bà H dựa trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà chưa làm rõ có phải bà H xây dựng hay không bởi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là một vấn đề đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật, còn việc xây dựng là một vấn đề khác trong khi phía người liên quan ông Đông cho rằng ông có cùng bà H xây dựng và có yêu cầu về vấn đề cây xăng tuy ông không làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí để thụ lý giải quyết, nhưng để đảm bảo cho phán quyết đúng quy định, khách quan cấp sơ thẩm cần phải làm rõ có phải một mình bà H đứng ra xây dựng cây xăng hay không. Mặt khác cấp sơ thẩm nhận định cho rằng bà H là người xây dựng phần nhà có cây xăng mà không tuyên (trong phần quyết định) cho bà H được quyền sở hữu là thiếu sót.

[2.4] Khi chia thừa kế cấp sơ thẩm chưa làm rõ ai quản lý phần đất, vào thời gian nào để trích công sức cho người quản lý là chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2.5] Trong bản trích đo địa chính số 65/TTKTTNMT ngày 13/8/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường có thể hiện ba căn nhà và phần mộ nhưng không thể hiện diện tích mỗi căn và phần mộ bao nhiêu trên diện tích đất, nhà nào của ông L, nhà nào bà H kinh doanh mua bán xăng, nhà nào của ông Hưng, bà Cừu để lại. Trong ba căn nhà thì có một căn nhà phía sau có một phần nhà được xây dựng trên phần đất thửa 88, không xác định nhà ai và ý kiến các đương sự như thế nào về phần căn nhà xây dựng trên phần đất thửa 88 mà công nhận cho bà H là gây khó khăn cho việc sử dụng đất của các đương sự đã được cấp sơ thẩm chia cho các đồng thừa kế tại thửa 88. Cấp sơ thẩm công các diện tích gồm nhà chính, nhà tạm, bồn nước và mái che dựa vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (bút lục 154) để công nhận cho người thừa kế ông L nhưng không biết có phù hợp với diện tích trên bản trích đo hay không bởi bản trích đo không thể hiện diện tích bao nhiêu, diện tích đó là thể hiện nhà hay đất. Đồng thời, khi tuyên hai phần nhà mặt tiền (ở thửa 87) chỉ công nhận nhà cho đương sự mà không công nhận phần đất trước nhà để đi ra đến lộ giao thông (4.0m) là gây khó khăn cho đương sự trong việc sử dụng lối đi nếu như trong đó có nhà của ông L được công nhận.

[2.6] Trong vụ án có một số đương sự đã cao tuổi, theo quy định được miễn tiền án phí nhưng cấp sơ thẩm buộc chịu án phí là chưa đúng quy định.

[2.7] Ngoài ra, tại bản án thể hiện phiên tòa mở ngày 04 và 05 tháng 9 năm 2019, tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa thể hiện phiên tòa chỉ diễn ra ngày 05 tháng 9, bên cạnh đó, phiên tòa bắt đầu lúc 8h00 ngày 05/9/2019 và kết thúc lúc 8h00 ngày 05/9/2019 là vi phạm nghiêm trọng, không phản ánh đúng thực tế diễn biến các nội dung tại phiên tòa.

Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ. Vì vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm về khắc phục các sai sót trên và xét xử lại mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, kháng cáo của bà H cũng chưa có cơ sở xem xét.

[3] Về phần án phí phúc thẩm: Bà H được nhận lại.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

1. Hủy bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận O xét xử vụ việc tranh chấp chia di sản thừa kế giữa các đương sự nêu trên; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận O giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Bành Thị Ánh H được nhận lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 010598 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân quận O;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẨM PH

Hà Thị Phương Thanh

